UBND XÃ QUẢNG PHÚ
TRƯỜNG TH NGUYỄN VĂN TRỖI

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập-Tự do- Hạnh phúc

Số: 25/KH-NVT

Quảng Phú, ngày 02 tháng 11 năm 2026

KẾ HOẠCH
CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI GIAI ĐOẠN 2026–2031 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

Căn cứ Nghị quyết số 71-NQ/TW ngày 22/8/2025 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo giai đoạn 2025–2035;

Căn cứ Quyết định số 1705/QĐ-TTg ngày 29/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển giáo dục Việt Nam giai đoạn 2021–2030, tầm nhìn 2045;

Căn cứ Luật Giáo dục số 43/2019/QH14 ngày 14/6/2019, có hiệu lực 01/7/2020;

Căn cứ Luật Trẻ em số 102/2016/QH13 ngày 05/4/2016;

Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước số 89/2025/QH15 ngày 25 tháng 6 năm 2025 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2026, quy định nguyên tắc quản lý, lập, chấp hành, quyết toán, công khai, giám sát ngân sách nhà nước và phân định rõ trách nhiệm, quyền hạn của các cơ quan, tổ chức, đơn vị sử dụng ngân sách;

Căn cứ Nghị định số 24/2021/NĐ-CP ngày 23/3/2021 của Chính phủ quy định việc quản lý trong cơ sở giáo dục mầm non và cơ sở giáo dục phổ thông công lập;

Căn cứ Nghị định số 30/2020/NĐ-CP ngày 05/3/2020 của Chính phủ về công tác văn thư (thể thức, kỹ thuật trình bày và quản lý văn bản);

Căn cứ Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030; Quyết định số 2222/QĐ-BGDĐT ngày 23 tháng 6 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo phê duyệt Kế hoạch chuyển đổi số ngành Giáo dục và Đào tạo giai đoạn 2023–2025, định hướng đến năm 2030;

Căn cứ Thông tư số 32/2018/TT-BGDĐT ngày 26/12/2018 ban hành Chương trình Giáo dục phổ thông 2018;

Căn cứ Thông tư số 15/2026/TT-BGDĐT ngày 24/3/2026 ban hành Điều lệ Trường tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 27/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 quy định đánh giá học sinh tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 20/2018/TT-BGDĐT ngày 22/8/2018 quy định chuẩn nghề nghiệp giáo viên cơ sở giáo dục phổ thông; Thông tư số 14/2018/TT-BGDĐT ngày 20/7/2018 quy định chuẩn hiệu trưởng cơ sở giáo dục phổ thông;

Căn cứ Thông tư số 57/2026/TT-BGDĐT ngày 07/7/2026 ban hành quy định về bảo đảm chất lượng giáo dục đối với cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông, cơ sở giáo dục thường xuyên; công nhận đạt chuẩn quốc gia đối với trường mầm non và trường phổ thông;

Căn cứ Nghị quyết số 01/NQ-ĐH Nghị Quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ xã Quảng Phú lần thứ nhất, nhiệm kỳ 2025–2030; Nghị quyết Chi bộ Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi nhiệm kỳ 2025–2030;

Căn cứ Kế hoạch triển khai thực hiện Kế hoạch số 08-KH/TU của Ban thường vụ Tỉnh ủy và Kế hoạch số 3450/KH-UBND của Ủy ban nhân dân tỉnh về thực hiện nghị quyết số 57-NQ/TW ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;

Căn cứ công văn số 4573/SGDĐT-GDTrH ngày 29/8/2026 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Lâm Đồng về triển khai một số nhiệm vụ trọng tâm đẩy mạnh phomg trào " Bình dân học vụ số"; phổ cập kỹ năng số và Kế hoạch số 19/KH-UBND ngày 12/8/2025 của UBND xã Quảng Phú về triển khai phong trào "Cả nước thi đua đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số" và Phong trào "Bình dân học vụ số" trong ngành giáo dục giai đoạn 2025 – 2030;

Căn cứ Biên bản rà soát chiến lược năm 2026,

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi xây dựng Kế hoạch Chiến lược phát triển giai đoạn 2026–2031 tầm nhìn đến năm 2035 như sau:

I. ĐẶC ĐIỂM, TÌNH HÌNH NHÀ TRƯỜNG

1. Khái quát về nhà trường

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi được đổi tên gọi từ trường Phổ thông cơ sở Nguyễn Văn Trỗi thành trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi theo Quyết định số 1847/2005/QĐ-UB ngày 09/9/2005 của UBND huyện Krông Nô, trường đóng trên địa bàn xã Quảng Phú, trường đóng trên địa bàn thôn Phú Xuân, xã Quảng Phú, tỉnh Lâm Đồng. Trong những năm qua, nhà trường từng bước được đầu tư xây dựng đầy đủ các lớp học ở các điểm trường, cơ sở vật chất đáp ứng được nhu cầu tối thiểu cho việc giảng dạy của nhà trường. Nhà trường luôn nhận được sự quan tâm phối hợp của phụ huynh học sinh, các ban ngành đoàn thể của địa phương trong việc giáo dục và xây dựng nhà trường. Cùng với tinh thần đoàn kết thống nhất, quyết tâm phấn đấu cho sự nghiệp giáo dục của tập thể hội đồng sư phạm đã đưa nhà trường vượt qua nhiều khó khăn, hoàn thành tốt các nhiệm vụ của từng năm học và đạt được nhiều thành tích trong các phong trào khác do ngành và địa phương phát động.

2. Thực trạng nhà trường

2.1. Quy mô lớp, học sinh

Khối lớp	Số lớp	TSHS	HS học 2 buổi/ngày	Ghi chú
Lớp 1	4	106	106	

Lớp 2	4	112	112	
Lớp 3	4	117	117	
Lớp 4	3	87	87	
Lớp 5	4	110	110	
TỔNG	**19**	**532**	**532**	

2.2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên

	Tổng số	**Nữ**	**Dân tộc**	**Trình độ đào tạo**			**Ghi chú**
				Đại học	**Cao đẳng**	**Trung cấp**	
CBQL	03	01		03			
Giáo viên	26	19	03	26			
Nhân viên	02	02			01	01	
Cộng	**31**	**22**	**03**	**29**	**01**	**01**	

2.**3. Cơ sở vật chất, trang thiết bị dạy học**

a) Diện tích đất

Hạng mục	**Hiện trạng**
Tổng diện tích đất sử dụng *(m^2)*	12.500
+ Tổng diện tích đất được cấp quyền sử dụng (m^2)	12.500
+ Diện tích khu đất làm sân chơi, sân tập (m^2)	4.000
+ Diện tích khu để xe GV, NV (m^2)	72
+ Diện tích khu để xe HS (m^2)	72

b) Khối phòng học, phòng hành chính

	Tổng số	**Kiên cố**		**Bán kiên cố**		**Tạm**	
		Số lượng	Diện tích (m^2)	Số lượng	Diện tích (m^2)	Số lượng	Diện tích (m^2)
1. Khối phòng học	19	14	420	5	150		
2. Khối phòng phục vụ học tập	6	4	120	2	60		
- Phòng GD âm nhạc							
- Phòng GD mỹ thuật	01	01	30				
- Phòng học ngoại ngữ	01	01	30				

- Nhà đa năng							
- Phòng máy tính	01	01	30				
- Phòng Khoa học							
- Phòng thư viện	01			01	30		
- Phòng thiết bị GD	01			01	30		
- Phòng truyền thống và Hoạt động đội	01	01	30				
3. Khối phòng hành chính - quản trị	3	3	60				
- Phòng Hiệu trưởng	01	01	15				
- Phòng Phó Hiệu trưởng	01	01	15				
- Phòng họp	01	01	30				
- Phòng lưu trữ hồ sơ							
- Phòng y tế							
4. Khu vệ sinh	03			03	300		
- Phòng vệ sinh GV, NV							
- Nhà vệ sinh cho HS	03			03	300		
- Đạt chuẩn vệ sinh	03			03	300		

c) Trang thiết bị dạy học:

Stt	Danh mục	ĐVT	Tổng số	So sánh với yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
I	**Thiết bị dùng chung**				
1	Máy tính dùng cho giảng dạy và học	Bộ			
2	Máy tính dùng cho công tác QL, văn phòng	Bộ			
3	Máy in	Chiếc			
4	Máy phô tô	Chiếc			
5	Phần mềm tin học	Bộ			

Stt	Danh mục	ĐVT	Tổng số	So sánh với yêu cầu tối thiểu	Ghi chú
6	Máy chiếu	Bộ			
7	Ti vi	Chiếc			
8	Thiết bị âm thanh	Bộ			
7	Phòng giáo dục nghệ thuật	Bộ			
8	Phòng học ngoại ngữ (LAB)	Bộ			
9	Thư viện	Bộ			
II	**Thiết bị khác**				
1	Thiết bị tự làm	Chiếc			
2	Thiết bị khác	Chiếc			
III	**Thiết bị TDTT**				
1	Thiết bị thể dục	Bộ			
2	Thiết bị tổ chức trò chơi vận động	Bộ			
3	Thiết bị rèn luyện sức khỏe	Bộ			
V	**Hệ thống bàn ghế học sinh**				
1	Loại 2 chỗ ngồi	Bộ			
2	Loại khác	Bộ			
VI	**Hệ thống bàn ghế giáo viên**	Bộ			
VII	**Bàn ghế phòng họp, phòng chức năng**				
1	Bàn	Chiếc			
2	Ghế	Chiếc			

3. Điểm mạnh

Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt; 100% giáo viên đạt chuẩn trình độ đào tạo; có kinh nghiệm trong công tác giảng dạy, giáo dục và quản lý, tích cực đổi mới phương pháp dạy học, kiểm tra đánh giá.

Nhà trường có uy tín với phụ huynh, học sinh và chính quyền địa phương; chất lượng giáo dục những năm gần đây ổn định và có xu hướng

tăng; tỷ lệ học sinh hoàn thành trình lớp học và Tiểu học luôn giữ mức 100% trong nhiều năm qua.

Công tác chuyển đổi số được quan tâm: đã triển khai các nền tảng quản lý trường học, sổ điểm điện tử, học bạ số; giáo viên từng bước làm chủ công nghệ thông tin, bước đầu xây dựng được kho học liệu số dùng chung.

Nhà trường đã có kinh nghiệm tổ chức hoạt động trải nghiệm, hướng nghiệp, công tác tư vấn học đường, công tác xã hội; phong trào văn hóa – văn nghệ, thể dục - thể thao phát triển, tạo môi trường học tập tích cực, thân thiện.

4. Điểm yếu

Cơ sở vật chất tuy đã được quan tâm nhưng vẫn chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của Chương trình GDPT 2018 và tiêu chuẩn trường học số: thiết bị dạy học tối thiểu còn thiếu hoặc chưa đồng bộ; không gian tự học, không gian sáng tạo cho học sinh còn hạn chế.

Cơ cấu đội ngũ còn thiếu giáo viên đứng lớp, giáo viên giảng dạy môn chuyên như Gióa dục thể chất, Mỹ thuật; một bộ phận giáo viên còn lúng túng trong việc đổi mới phương pháp dạy học, sử dụng công nghệ số và trí tuệ nhân tạo trong dạy học, đánh giá.

Nhu cầu học tập và phát triển của học sinh không đồng đều; một số học sinh còn hạn chế về kỹ năng đọc, viết, tính toán, tự học và giao tiếp.

Một số giáo viên cần tiếp tục được bồi dưỡng về phương pháp dạy học phát triển năng lực, giáo dục hòa nhập, năng lực số và sử dụng trí tuệ nhân tạo an toàn.

Việc phối hợp giáo dục giữa nhà trường và gia đình ở một số trường hợp chưa thường xuyên.

Các nguy cơ mất an toàn, bạo lực học đường, tai nạn thương tích và rủi ro trên môi trường mạng đòi hỏi sự phối hợp, giám sát thường xuyên.

5. Cơ hội

Được sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ của Sở GDĐT tỉnh Lâm Đồng, UBND xã Quảng Phú trong các chương trình: triển khai CTGDPT 2018, chuyển đổi số và trường học số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, phong trào Bình dân học vụ số, xây dựng xã hội học tập, mô hình Trường học hạnh phúc.

Hệ thống văn bản quy phạm về Khung năng lực số, Khung năng lực AI, quy chế quản lý - khai thác học liệu số, chương trình nhà trường, dạy học 2 buổi/ngày,… ngày càng hoàn thiện, tạo hành lang pháp lý thuận lợi để nhà trường chủ động đổi mới.

Khoa học - công nghệ, nhất là công nghệ số, trí tuệ nhân tạo phát triển mạnh, mở rộng nguồn học liệu và phương thức tổ chức dạy học đa dạng, linh hoạt.

6. Thách thức

Biến động nhanh về cơ cấu kinh tế - nghề nghiệp và yêu cầu về nguồn nhân lực chất lượng cao trong bối cảnh chuyển đổi số, đòi hỏi nhà trường phải đổi mới nội dung, phương pháp, hình thức giáo dục một cách liên tục.

Áp lực về an toàn trường học, an ninh mạng, sức khỏe tinh thần học sinh; nguy cơ bạo lực học đường, vi phạm pháp luật, tệ nạn xã hội, sử dụng mạng xã hội thiếu an toàn,… nếu không có giải pháp giáo dục phù hợp.

Từ thực tiễn trên, việc xây dựng Chiến lược phát triển Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi giai đoạn 2026 - 2031 là yêu cầu cấp thiết nhằm định hướng phát triển bền vững, phù hợp định hướng của ngành và tình hình thực tế nhà trường.

II. SỨ MỆNH, TẦM NHÌN, GIÁ TRỊ CỐT LÕI VÀ PHƯƠNG CHÂM HÀNH ĐỘNG

1. Sứ mệnh

Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi có sứ mệnh: cung cấp môi trường giáo dục tiểu học chất lượng, nhân văn và số hóa; giúp mỗi học sinh phát triển toàn diện phẩm chất và năng lực theo yêu cầu Chương trình GDPT 2018, đặc biệt là năng lực số, năng lực trí tuệ nhân tạo, năng lực tự học suốt đời và năng lực công dân toàn cầu; tạo nền tảng vững chắc cho học sinh tiếp tục học lên bậc Trung học cơ sở, học nghề, khởi nghiệp và hội nhập.

2. Tầm nhìn đến năm 2035

Đến năm 2035, Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi phấn đấu trở thành một trong những trường có chất lượng giáo dục tốt của xã Quảng Phú, đạt trường chuẩn quốc gia mức độ 2, là môi trường Trường học hạnh phúc - xanh - an toàn - số hóa, nơi mỗi học sinh được yêu thương, tôn trọng và có cơ hội phát triển tối đa tiềm năng.

3. Giá trị cốt lõi

Trách nhiệm.

Tôn trọng.

Sáng tạo.

Hợp tác.

Số hóa - đổi mới.

4. Phương châm hành động

Đối với đội ngũ: "Đoàn kết - Chuyên nghiệp - Dẫn dắt đổi mới".

Đối với học sinh: "Mỗi ngày đến trường là một ngày vui và tiến bộ".

Đối với chuyển đổi số: "Mỗi cán bộ, viên chức là một hạt nhân chuyển đổi số; mỗi học sinh là một công dân số trách nhiệm".

III. KẾ HOẠCH CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NHÀ TRƯỜNG GIAI ĐOẠN 2026 – 2031 TẦM NHÌN ĐẾN NĂM 2035

1. Mục tiêu tổng quát

Chuẩn hóa, hiện đại hóa và số hóa trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi; nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện, chú trọng phát triển năng lực số, năng lực trí tuệ nhân tạo, năng lực tự học, năng lực ngoại ngữ; xây dựng môi trường Trường học hạnh phúc - xanh - an toàn; từng bước đáp ứng các tiêu chí trường học số và trường có chất lượng của xã Quảng Phú.

2. Mục tiêu cụ thể giai đoạn 2026 - 2031

2.1. Về đội ngũ

Duy trì 100% cán bộ quản lý, viên chức đạt chuẩn trình độ đào tạo theo quy định và có 10 % giáo viên có trình độ sau đại học.

Duy trì 100% cán bộ quản lý, viên chức hoàn thành bồi dưỡng thường xuyên hằng năm; tham gia đầy đủ các mô-đun về văn hóa nhà trường, trường học an toàn, quản trị dạy học, quản trị nhân sự, chuyển đổi số, sử dụng trí tuệ nhân tạo trong dạy học.

100% cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên đạt chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin và từng bước đạt chuẩn năng lực số theo

Khung năng lực số cho người học và người dạy; tối thiểu 80% giáo viên có khả năng tự xây dựng, chia sẻ học liệu số, bài giảng số.

Hình thành đội ngũ giáo viên nòng cốt về chuyển đổi số, giáo dục số, giáo dục trí tuệ nhân tạo, đáp ứng yêu cầu triển khai các chương trình, đề án của Ngành.

2.2. Về học sinh và chất lượng giáo dục

Quy mô ổn định theo chỉ tiêu UBND xã giao; sĩ số bình quân không quá 35 học sinh/lớp; 100% học sinh được học 2 buổi/ngày theo đúng quy định.

Duy trì tỷ lệ học sinh hoàn thành chương trình lớp học và Tiểu học hằng năm đạt 100%; năng lực và phẩm chất đạt 100%; hạn chế tối đa học sinh bỏ học vì lý do chủ quan.

Tăng dần số học sinh đạt giải trong các kỳ thi năng khiếu, thể dục thể thao, văn hóa - văn nghệ các cấp.

2.3. Về cơ sở vật chất, thiết bị và trường học số

Trang bị đầy đủ thiết bị dạy học tối thiểu cho tất cả các môn học theo danh mục của Bộ GDĐT; từng bước đầu tư thiết bị hiện đại phục vụ STEM, AI, học liệu số.

Hoàn thiện hạ tầng số: Ưu tiên lộ trình trang bị thiết bị hiện đại phục vụ riêng cho các bộ môn đặc thù (như STEM, AI), trang bị mạng internet tốc độ cao, hệ thống wifi phủ kín toàn trường, thiết bị trình chiếu ở tất cả phòng học, hệ thống camera an ninh, hệ thống phần mềm quản lý, học bạ số, kho học liệu số.

2.4. Về chuyển đổi số, năng lực số, trí tuệ nhân tạo và học liệu số

100% cán bộ quản lý, viên chức, người lao động và học sinh sử dụng thường xuyên các hệ thống số của Ngành và của trường (quản lý trường học, học bạ số, sổ liên lạc điện tử, cổng thông tin, hệ thống học liệu số,…).

Triển khai Khung năng lực số cho học sinh: đến năm 2031, tối thiểu 90% học sinh đạt mức năng lực số theo yêu cầu học sinh phổ thông.

100% học sinh được học nội dung giáo dục trí tuệ nhân tạo tích hợp trong môn Tin học và các hoạt động trải nghiệm, chương trình nhà trường; ít nhất 30% học sinh tham gia câu lạc bộ trải nghiệm về AI.

Mỗi năm, mỗi tổ chuyên môn xây dựng tối thiểu 10 học liệu số được thẩm định, phê duyệt và đưa lên hệ thống học liệu số dùng chung của Ngành; duy trì và cập nhật kho học liệu số của nhà trường.

2.5. Về giáo dục thể chất, GDQP&AN, sức khỏe và kỹ năng sống

100% học sinh tham gia đầy đủ chương trình giáo dục thể chất, đảm bảo yêu cầu nội dung, thời lượng, không "dạy chay - học chay".

Tỷ lệ học sinh đạt yêu cầu trở lên về GDTC và tích hợp GDQP&AN đạt từ 95% trở lên; mỗi năm có học sinh tham gia và đạt giải trong HKPĐ các cấp.

100% học sinh được tham gia các hoạt động giáo dục kỹ năng sống, kỹ năng ứng xử trên mạng, kỹ năng tự bảo vệ, phòng chống bạo lực, xâm hại, tệ nạn.

2.6. Về môi trường trường học hạnh phúc, an toàn, xanh

Xây dựng và duy trì mô hình "Trường học hạnh phúc - xanh - an toàn - số"; bảo đảm mọi học sinh được học tập trong môi trường an toàn, được tôn trọng, được yêu thương và có cơ hội phát triển.

Hằng năm, tối thiểu 90% học sinh, 90% cán bộ - viên chức - người lao động và 80% cha mẹ học sinh đánh giá mức độ hài lòng "tốt" trở lên đối với môi trường giáo dục (qua khảo sát nội bộ).

100% vụ việc vi phạm, bạo lực học đường được xử lý theo quy trình giáo dục tích cực, phù hợp Thông tư 19/2025/TT-BGD-ĐT ngày 15/9/2025 về khen thưởng, kỷ luật học sinh; không để xảy ra trường hợp vi phạm nghiêm trọng kéo dài, gây bức xúc xã hội.

2.7. Công tác phổ cập giáo dục – xóa mù chữ và xây dựng trường chuẩn quốc gia

- Duy trì và giữ vững các tiêu chuẩn PCGD-XMC mức độ 3.
- Tiếp tục xây dựng và giữ vững kết quả trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 và phấn đấu đến năm 2031 trường đạt chuẩn quốc gia mức độ 2

3. Định hướng tầm nhìn đến năm 2035

3.1. Về đội ngũ cán bộ, giáo viên

- 100% GV có năng lực chuyên môn và phẩm chất đạo đức tốt.
- 100% giáo viên ứng dụng tốt CNTT, chuyển đổi số vào giảng dạy.
- 100% GV có trình độ đạt chuẩn, trong đó có 10% GVcó trình độ trên chuẩn.

3.2. Về chất lượng học tập

- 100% học sinh được đánh giá định kì về học tập cuối năm học của từng môn học và hoạt động giáo dục từ Hoàn thành trở lên, trong đó xếp loại Hoàn thành tốt chiếm từ 50% trở lên;
- Cuối năm học, 100% học sinh hoàn thành chương trình lớp học.
- 100% học sinh hoàn thành chương trình tiểu học.
- 30% trở lên học sinh được khen thưởng: Hoàn thành xuất sắc.
- 40% trở lên học sinh được khen thưởng: Có thành tích vượt trội hay tiến bộ vượt bậc về ít nhất một môn học hoặc ít nhất một năng lực, phẩm chất.
- Có nhiều học sinh đạt giải tại các kỳ giao lưu học sinh năng khiếu các cấp, có học sinh đạt giải giao lưu Trạng nguyên Tiếng Việt; IOE; Viết chữ đẹp...

3.3. Đánh giá về năng lực, phẩm chất và kỹ năng sống

- 100% học sinh được đánh giá cuối năm học về năng lực và phẩm chất từ Đạt trở lên, trong đó xếp loại Tốt chiếm từ 50% trở lên;
- Học sinh được trang bị các kỹ năng sống cơ bản, biết giao tiếp, ứng xử đúng mực. Tích cực tham gia các hoạt động ngoài giờ lên lớp.

3.4. Về cơ sở vật chất

- Đến năm 2035 nhà trường có đầy đủ phòng học, phòng bộ môn và các phòng chức năng kiên cố hiện đại, phòng làm việc trang bị đủ thiết bị, tiện nghi hiện đại và hệ thống tường rào; cổng trường, khuôn viên đẹp, khang trang.

IV. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP CHỦ YẾU

1. Phát triển đội ngũ và nguồn nhân lực số

Xây dựng và triển khai kế hoạch bồi dưỡng thường xuyên hằng năm cho cán bộ quản lý, viên chức, người lao động gắn với chuẩn nghề nghiệp, chuẩn chức danh nghề nghiệp và các mô-đun BDTX của Sở GD&ĐT; tập trung vào các nội dung: văn hóa nhà trường, trường học an toàn, trường học hạnh phúc, quản trị dạy học, quản trị nhân sự, chuyển đổi số, ứng dụng trí tuệ nhân tạo.

Thực hiện Đề án đào tạo, bồi dưỡng nguồn nhân lực chuyển đổi số: khảo sát, phân loại năng lực số của đội ngũ; tổ chức các lớp bồi dưỡng cơ bản, nâng cao về sử dụng hệ thống số, khai thác học liệu số, dữ liệu giáo dục, an toàn thông tin, sử dụng AI trong dạy học - kiểm tra đánh giá.

Hình thành đội ngũ giáo viên nòng cốt ở mỗi tổ chuyên môn về triển khai Chương trình GDPT 2018, chuyển đổi số, giáo dục AI, năng lực số, trường học hạnh phúc; tham gia hỗ trợ, bồi dưỡng đồng nghiệp.

Đổi mới công tác đánh giá, xếp loại, thi đua đối với cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên theo hướng lấy kết quả thực hiện nhiệm vụ giáo dục, chuyển đổi số, xây dựng trường học hạnh phúc làm tiêu chí trọng tâm.

2. Đổi mới chương trình, kế hoạch giáo dục, dạy học 2 buổi/ngày và chương trình của nhà trường

Rà soát, hoàn thiện Kế hoạch giáo dục nhà trường, kế hoạch tổ chuyên môn theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực học sinh, bảo đảm thực hiện đầy đủ Chương trình GDPT 2018, kế thừa những ưu điểm của giai đoạn trước.

Tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với tất cả các khối lớp theo đúng hướng dẫn của Sở: thiết kế thời khóa biểu linh hoạt, đảm bảo không quá 7 tiết/ngày, 9 buổi/tuần; thực hiện CTGDPT bắt buộc và buổi 2 (phụ đạo, bồi dưỡng, ôn tập, hoạt động trải nghiệm, STEM/STEAM, CLB, hướng nghiệp, kỹ năng sống, năng lực số, AI, GDQP&AN,…).

Xây dựng các chương trình giáo dục của nhà trường (chuyên đề, chủ đề, CLB) bám sát hướng dẫn lựa chọn nội dung chương trình nhà trường: chú trọng các lĩnh vực tiếng Anh tăng cường, Tin học/AI, kỹ năng số, kỹ năng sống, tài chính cá nhân, thể thao - nghệ thuật, giáo dục địa phương.

Khảo sát nhu cầu học sinh, cha mẹ học sinh; công khai các nội dung chương trình nhà trường để học sinh đăng ký tham gia câu lạc bô, lựa chọn trên nguyên tắc tự nguyện, công bằng, không thương mại hóa, không dạy thêm - học thêm trái quy định.

3. Đổi mới phương pháp dạy học và kiểm tra đánh giá

Tiếp tục đổi mới phương pháp, hình thức dạy học theo hướng phát huy tính tích cực, chủ động, sáng tạo, phù hợp với đặc trưng môn học và đối tượng học sinh; tăng cường dạy học dự án, dạy học tích hợp, dạy học gắn với thực tiễn địa phương.

Đổi mới kiểm tra, đánh giá theo định hướng phát triển phẩm chất, năng lực: xây dựng ma trận đề, bảng đặc tả, ngân hàng câu hỏi; đa dạng hóa hình thức đánh giá (đánh giá thường xuyên, định kỳ, đánh giá qua sản phẩm học tập, qua dự án, sản phẩm số,…).

Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và AI trong dạy học, kiểm tra đánh giá: sử dụng hệ thống LMS, phần mềm thi - kiểm tra trực tuyến, phần mềm phân tích dữ liệu kết quả học tập để điều chỉnh hoạt động dạy học.

4. Tăng cường chuyển đổi số, phát triển năng lực số và giáo dục trí tuệ nhân tạo

Hoàn thiện và khai thác hiệu quả các hệ thống số trong quản lý và dạy học: cơ sở dữ liệu ngành, phần mềm quản lý trường học, phần mềm học bạ số, cổng thông tin điện tử, hệ thống học liệu số, các nền tảng dạy học trực tuyến.

Triển khai Khung năng lực số cho học sinh: lồng ghép trong các môn học và hoạt động giáo dục; tổ chức các chuyên đề, hoạt động trải nghiệm, cuộc thi về kỹ năng số, an toàn thông tin, văn hóa sử dụng mạng xã hội, sử dụng AI có đạo đức và trách nhiệm.

Triển khai nội dung giáo dục AI trong môn Tin học và các hoạt động trải nghiệm: thiết kế chủ đề, chuyên đề về AI, dữ liệu, lập trình, robot; thành lập câu lạc bộ AI, STEM; tổ chức ngày hội, cuộc thi về AI cho học sinh.

Xây dựng và thực hiện kế hoạch phong trào "Bình dân học vụ số": tổ chức các lớp/hướng dẫn kỹ năng số cơ bản cho phụ huynh, người dân địa phương; khuyến khích cộng đồng sử dụng các nền tảng học tập số và dịch vụ công trực tuyến.

5. Phát triển cơ sở vật chất, thiết bị và môi trường giáo dục xanh – sạch – đaẹp - an toàn

Tăng cường xã hội hóa giáo dục, huy động nguồn lực hợp pháp từ cha mẹ học sinh, doanh nghiệp, tổ chức xã hội để đầu tư cơ sở vật chất, thiết bị, học bổng, hoạt động trải nghiệm, khởi nghiệp, thể thao - nghệ thuật.

Thực hiện tốt công tác quản lý, sử dụng, bảo dưỡng cơ sở vật chất, thiết bị; áp dụng phần mềm quản lý tài sản, thiết bị; nâng cao hiệu quả khai thác, tránh lãng phí.

Xây dựng cảnh quan sư phạm xanh - sạch - đẹp - an toàn; tăng diện tích cây xanh, khu vực sinh hoạt chung, nghỉ ngơi, vận động cho học sinh; "Tiết kiệm năng lượng" và "Trường học không rác thải nhựa".

6. Tăng cường giáo dục thể chất, giáo dục quốc phòng an ninh, y tế trường học và kỹ năng sống

Tổ chức đầy đủ các nội dung giáo dục thể chất, GDQP&AN theo chương trình; đảm bảo thời lượng, chất lượng; không dạy chay, học chay; thường xuyên tổ chức các hoạt động TDTT.

Đổi mới hình thức dạy học GDTC: tổ chức các câu lạc bộ thể thao, hoạt động ngoài trời, ngày hội thể thao; khuyến khích học sinh duy trì thói quen tập luyện, lối sống lành mạnh.

Tăng cường phối hợp y tế trường học và y tế địa phương trong công tác chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, khám sức khỏe định kỳ, hướng dẫn dinh dưỡng hợp lý, hỗ trợ sức khỏe tinh thần cho học sinh.

Tổ chức các chuyên đề, hoạt động giáo dục kỹ năng sống: quản lý cảm xúc, giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết vấn đề, kỹ năng số an toàn, phòng chống bạo lực, xâm hại, tệ nạn xã hội.

7. Xây dựng môi trường "Trường học hạnh phúc - xanh - an toàn - số hóa"

Xây dựng và triển khai Đề án/ Kế hoạch xây dựng "Trường học hạnh phúc - xanh - an toàn - số" với các trụ cột: An toàn - Tôn trọng - Yêu thương - Phát triển - Số hóa.

Cụ thể hóa Thông tư 19/2025/TT-BGDĐT về khen thưởng, kỷ luật học sinh: ban hành Quy chế khen thưởng - kỷ luật của trường theo hướng giáo dục tích cực, tôn trọng học sinh, không trừng phạt, không xúc phạm; thực hiện quy trình xử lý vi phạm có sự tham gia của gia đình, giáo viên chủ nhiệm, lực lượng tư vấn học đường và các tổ chức đoàn thể.

Xây dựng văn hóa ứng xử trong nhà trường: quy tắc ứng xử của cán bộ, viên chức, người lao động, học sinh; cơ chế khuyến khích, nêu gương; xử lý nghiêm các hành vi bạo lực, xúc phạm nhân phẩm.

Phát triển các hoạt động tập thể, câu lạc bộ, đội nhóm, hoạt động văn hóa - văn nghệ - thể thao, hoạt động trải nghiệm, công tác xã hội, tình nguyện,… tạo môi trường gắn kết, yêu thương, giúp học sinh được trải nghiệm và trưởng thành.

8. Đẩy mạnh công tác tư vấn học đường, công tác xã hội, phối hợp gia đình - nhà trường - xã hội

Củng cố, hoàn thiện bộ phận tư vấn tâm lý - công tác xã hội trong trường; phân công giáo viên kiêm nhiệm, được bồi dưỡng chuyên môn; xây dựng quy trình phát hiện - can thiệp - hỗ trợ học sinh có khó khăn tâm lý, hoàn cảnh đặc biệt.

Phối hợp chặt chẽ với Ban đại diện Cha mẹ học sinh, chính quyền và các tổ chức xã hội địa phương trong việc tổ chức các hoạt động giáo dục, phòng chống tệ nạn, hỗ trợ học sinh khó khăn.

Tăng cường thông tin hai chiều với Cha mẹ học sinh qua các kênh số (cổng thông tin, sổ liên lạc điện tử, ứng dụng di động,…) để nắm bắt kịp thời tình hình học tập, tâm lý, sức khỏe học sinh; phối hợp giáo dục toàn diện.

9. Đổi mới công tác quản trị nhà trường, kiểm tra nội bộ, đảm bảo chất lượng

Tăng cường vai trò của tập thể lãnh đạo trong việc xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh, chiến lược và kế hoạch phát triển nhà trường; thực hiện dân chủ, công khai, minh bạch trong quản lý.

Xây dựng và triển khai kế hoạch kiểm tra nội bộ hằng năm theo đúng quy định; nội dung kiểm tra bao quát hoạt động chuyên môn, tài chính, cơ sở vật chất, chuyển đổi số, thực hiện quy chế dân chủ, trường học hạnh phúc,…; gắn kết quả kiểm tra với điều chỉnh kế hoạch, khen thưởng, kỷ luật.

Thiết lập hệ thống đảm bảo chất lượng nội bộ, chuẩn bị kiểm định chất lượng giáo dục; định kỳ tự đánh giá, cải tiến chất lượng theo các tiêu chuẩn đã ban hành.

V. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Tổ chức triển khai

Hiệu trưởng Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi chịu trách nhiệm chỉ đạo xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện Kế hoạch chiến lược phát triển giai đoạn 2026 - 2031 và tầm nhìn đến năm 2035; cụ thể hóa thành kế hoạch năm học, kế hoạch trung hạn, ngắn hạn của từng giai đoạn.

Thành lập Ban chỉ đạo thực hiện Kế hoạch chiến lược do Hiệu trưởng làm Trưởng ban, Phó Hiệu trưởng, Tổ trưởng chuyên môn, Tổng Phụ trách, đại diện Cha mẹ học sinh,… là thành viên.

Các tổ chuyên môn, các bộ phận, đoàn thể căn cứ Kế hoạch chiến lược xây dựng kế hoạch hoạt động hàng năm, đăng ký các chỉ tiêu phấn đấu phù hợp chức năng, nhiệm vụ.

2. Cơ chế giám sát, đánh giá Hằng năm, nhà trường tổ chức sơ kết, tổng kết việc thực hiện

Kế hoạch chiến lược; rà soát mức độ hoàn thành các mục tiêu, chỉ tiêu; cập nhật, điều chỉnh nội dung, lộ trình khi cần thiết.

Kết quả thực hiện Kế hoạch chiến lược là căn cứ quan trọng trong đánh giá mức độ hoàn thành nhiệm vụ, thi đua - khen thưởng tập thể và cá nhân.

Tăng cường công khai, minh bạch; lấy ý kiến góp ý của cán bộ, giáo viên, nhân viên, học sinh, cha mẹ học sinh và các bên liên quan đối với việc thực hiện Kế hoạch.

3. Hiệu lực thi hành

Kế hoạch chiến lược phát triển Trường Tiểu học Nguyễn Văn Trỗi giai đoạn 2026 - 2031 và tầm nhìn đến năm 2035 là cơ sở quan trọng để nhà trường định hướng phát triển trong giai đoạn mới; là căn cứ để xây dựng các kế hoạch năm học, kế hoạch trung hạn và các chương trình, đề án cụ thể.

Nơi nhận
- *PVH,XH xã Quảng Phú : (Để theo dõi)*
- *UBND xã Quảng Phú (Để báo cáo)*
- *BGH,Các tổ, bộ phận : (Để thực hiện)*
- *CMHS (Để phối hợp)*
- *Đăng trên Wedsiet nhà trường (Để công khai)*
- *Lưu VT*

Hiệu trưởng

U.B.N.D XÃ QUẢNG PHÚ T. LÂM ĐỒNG
TRƯỜNG TIỂU HỌC NGUYỄN VĂN TRỖI

Nguyễn Thị Ngọc Lệ